



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

VILAS 746

Số: 14/KQ

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

I./ THÔNG TIN MẪU

STT	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	55M ₁ 01/16	Công ty TNHH FoodTech	Nước sau khi xử lý	Võ Bá Duy Huân	25/04/2016 9g30-9g45	Trần Quang Vinh
2	56M ₁ 01/16	Công ty Bia Sài Gòn		Nguyễn Thị Cẩm Tú	25/04/2016 8g30-8g45	
3	56M ₂ 01/16	77 Nguyễn Tất Thành			25/04/2016 9g00-9g15	
4	56M ₃ 01/16	118 ^A Lê Trung Kiên			25/04/2016 9g30-9g45	
5	57B01/16	Bể chứa NMN Tuy Hòa		Nguyễn Tường Linh	25/04/2016 8g00-8g15	Nguyễn Thị Cẩm Tú
6	58B02/16	Bể chứa NMN Tuy An			25/04/2016 9g00-9g15	
7	58B03/16	Bể chứa NMN Đồng Xuân			25/04/2016 10g00-10g15	
8	59B04/16	Bể chứa NMN Sông Cầu		Nguyễn Ngọc Tượng	25/04/2016 8g00-8g15	Phạm Thị Luyện
9	59B05/16	Bể chứa NMN Đ. Bắc Sông Cầu			25/04/2016 9g30-9g45	
10	60B06/16	Bể chứa NMN Sông Hinh		Nguyễn Thị Dung	25/04/2016 8g30-8g45	
11	60B07/16	Bể chứa NMN Sơn Hòa			25/04/2016 10g00-10g15	



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**



VILAS 746

II./KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				55M ₁ 01/16	56M ₁ 01/16	56M ₂ 01/16	56M ₃ 01/16
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996				
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996				
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6,91	6,85	6,84	6,92
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0,82	0,34	0,38	1,10
5	Sắt tổng(mg/l)	0,3	TCVN6177:1996	0,04	0,03	0,03	0,03
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	14,15	13,81	13,47	13,81
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	38,28	38,79	39,81	39,30
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	KPH	KPH	KPH	KPH
10	Mùi vị ^(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	3,80	4,00	4,20	4,20
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	6,8	6,8	6,6	6,2
13	Mangan(mg/l)	0,3	TCVN6002:1995	KPH	KPH	KPH	KPH
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0,26	0,32	0,39	0,32
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
16	Clo Tổng số (mg/l)	0,5	TCVN 6225-3:2011	KPH	KPH	KPH	KPH
STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				57B01/16	5802/16	58B03/16	59B04/16
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6,81	7,05	7,13	7,02
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0,32	0,51	0,64	1,34
5	Sắt tổng(mg/l)	0,3	TCVN6177:1996	0,04	0,06	0,03	0,07
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	13,47	9,09	5,72	11,45
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	38,79	26,03	21,95	26,54
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	4,50	KPH	4,40	6,00
10	Mùi vị ^(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	4,30	0,70	0,90	0,40
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	6,9	12,1	9,6	4,1
13	Mangan(mg/l)	0,3	TCVN6002:1995	KPH	KPH	KPH	0,06
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0,32	0,39	0,45	0,26
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
16	Clo Tổng số (mg/l)	0,5	TCVN 6225-3:2011	0,44	0,53	0,44	0,44



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

VILAS 746

II./KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				59B05/16	60B06/16	60B07/16	
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH	KPH	KPH	
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH	KPH	KPH	
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	7,00	7,01	7,15	
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0,33	0,36	0,21	
5	Sắt tổng(mg/l)	0,3	TCVN6177:1996	0,03	0,03	0,01	
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	10,44	9,43	10,10	
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	7,15	23,99	47,98	
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH	KPH	
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	KPH	KPH	KPH	
10	Mùi vị(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	0,90	0,20	0,40	
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	3,5	3,4	4,9	
13	Mangan(mg/l)	0,3	TCVN6002:1995	0,01	KPH	KPH	
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0,32	0,39	0,26	
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	
16	Clo Tổng số (mg/l)	0,5	TCVN 6225-3:2011	0,53	0,53	0,44	

Ghi chú: - (*) là chỉ tiêu chưa được Vilas công nhận, KPH : Không phát hiện

Tuy Hòa, ngày 04 tháng 05 năm 2016

Bộ Phận Hóa nghiệm

Phòng Kỹ Thuật

Lãnh Đạo Công Ty



Nguyễn Tấn Thuận

Võ Bá Duy Huân

BM.KT.02.02

24/06/2014

Trang 3/3